

*Thanh Sơn, ngày 11 tháng 3 năm 2019*

Số: 38/2019/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Lưu Thị Thu H**, sinh năm 1983

Bị đơn: **Anh Bùi Văn D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu L Đ, TT. T S, huyện T S, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Lưu Thị Thu H và anh Bùi Văn D.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Chị Lưu Thị Thu H và anh Bùi Văn D đều thống nhất xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Thị Thu H – Sinh ngày 25/8/2004 và cháu Bùi Văn S - Sinh ngày 10/02/2011. Nay ly hôn chị H và anh D đều tự nguyện thỏa thuận: Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi Văn S - Sinh ngày 10/02/2011, anh D được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Thị Thu H – Sinh ngày 25/8/2004 đến khi các con chung thành niên. Hai bên đều tự nguyện không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Lưu Thị Thu H và anh Bùi Văn D đều khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2018/0001611 ngày 20/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Trả lại cho chị H 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 – Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đ-ơng sự
- VKS tỉnh + huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND TT. Thanh Sơn
- L- u HSVA.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN**  
**Thẩm phán**

**Nguyễn Khắc Vĩnh**

